

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TOÀ ÁN NHÂN DÂN TRONG BỐI CẢNH CẢI CÁCH TƯ PHÁP

*Hoàng Mạnh Hùng**

1. Khái quát quá trình phát triển quan điểm của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân trong thời kỳ đổi mới

Trong bộ máy nhà nước ta, Toà án nhân dân có vị trí pháp lý rất quan trọng. Điều 127 Hiến pháp 1992 quy định: "Toà án nhân dân tối cao, các Toà án nhân dân địa phương, các Toà án quân sự và các Toà án khác do luật định là những cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Hiến pháp năm 1992 khẳng định: "Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật" (Điều 72). Đây là cơ sở pháp lý để xác định Toà án có vị trí quan trọng trong hệ thống các cơ quan Tư pháp. Vị trí này xuất phát từ "tính hệ thống và tính chính thể của hệ thống tư pháp, bởi vì bản thân chúng đã cho thấy rõ vai trò trung tâm của Toà án (khâu xét xử) trong hệ thống Tư pháp"¹.

Ở nước ta, ngay từ khi mới thành lập, vai trò và vị trí của Toà án nhân dân trong bộ máy nhà nước nói chung và trong hệ thống các cơ quan áp dụng pháp luật nói riêng đã được Đảng và Nhà nước đề cao. Điều đó được thể hiện trong lịch sử xây dựng bộ máy nhà nước ta, Toà án là một trong những hệ thống cơ quan được thành lập sớm nhất². Có thể nói, qua nhiều giai đoạn phát triển lịch sử của nhà nước ta, các Toà án đã trải qua nhiều cuộc cải cách và đổi mới về tổ chức cũng như phương

thức hoạt động để đáp ứng nhiệm vụ ngày càng nặng nề của nền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển và lớn mạnh của Toà án nhân dân ngày nay thể hiện đậm nét sự vận dụng đường lối lãnh đạo của Đảng về tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân.

Quá trình phát triển quan điểm của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân trong thời kỳ đổi mới thể hiện ngay từ các văn kiện ban hành sau Đại hội VII, cụ thể là: Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba và Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám của Ban chấp hành trung ương khoá VII, Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 08/11/1993 của Ban Bí thư về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật", Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 18/3/1994 của Ban Bí thư về "Sự lãnh đạo của Đảng đối với việc tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán Toà án nhân dân, thẩm phán Toà án quân sự các cấp"; Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, Nghị quyết hội nghị lần thứ ba, Nghị quyết hội nghị lần thứ bảy, Ban chấp hành trung ương khoá VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 16/3/2000 của Bộ Chính trị về "Phạm vi trách nhiệm, quyền hạn giữa cấp uỷ Đảng với Đảng uỷ Công an, Ban cán sự Đảng Viện kiểm sát nhân dân, Ban cán sự Đảng Toà án nhân dân trong công tác bảo vệ Đảng và xử lý tội phạm liên quan đến cán bộ, đảng viên"; Chỉ thị số 53-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 21/3/2000 về "Một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000".

Có thể thấy, đường lối lãnh đạo của Đảng đối với Toà án nhân dân từ thời kỳ đổi mới đến nay là hoàn toàn nhất quán, có sự kế thừa và phát triển từng bước. Đảng luôn quan tâm chỉ đạo kiện toàn đội ngũ cán bộ Toà án nhân dân, giới thiệu những cán bộ có năng lực và trình

* Thạc sỹ Luật học, Toà án nhân dân Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

¹ GS.TSKH Đào Trí Úc, Cải cách tư pháp và nhiệm vụ nghiên cứu hệ thống tư pháp ở nước ta hiện nay, Bài trong sách "Hệ thống tư pháp và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay", Nxb Khoa học xã hội, H.2002, tr35.

² Sắc lệnh số 13 ngày 24 tháng 01 năm 1946 về Tổ chức các Toà án và các ngạch thẩm phán.

độ chính trị vững vàng; phát hiện³ và xử lý kỷ luật những cán bộ vi phạm. Nghiên cứu những chủ trương quan điểm đổi mới tổ chức, hoạt động của Tòa án nhân dân trong các văn kiện nêu trên, có thể nhận thấy, từ thời kỳ đổi mới đất nước đến nay, Đảng luôn xác định cải cách Tòa án là thể hiện tập trung kết quả của cải cách tư pháp nhưng cải cách Tòa án phải tiến hành đồng bộ với việc cải cách cơ quan điều tra, viện kiểm sát và cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp khác. Trong đó, Đảng nhấn mạnh việc sắp xếp lại hệ thống Tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc cải cách tư pháp, ngày 02/01/2002 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW "về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới". Nghị quyết số 08-NQ/TW đã đề cập khá toàn diện vấn đề cải cách tư pháp, trong đó đã đề cập cả những quan điểm chung và chủ trương, giải pháp cụ thể đối với từng cơ quan tư pháp. Nghị quyết nhấn mạnh công tác tư pháp phải *theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, bảo đảm quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp*, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, giữ vững bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

Đối với Tòa án, Nghị quyết 08-NQ/TW nhấn mạnh: Cần phân định thẩm quyền của các Tòa án các cấp theo hướng Tòa án nhân dân tối cao làm nhiệm vụ tổng kết xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật và giám đốc xét xử các quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố chủ yếu thực hiện công tác xét xử phúc thẩm; Tòa án nhân dân cấp huyện, quận, thị xã xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, dân sự, kinh tế, lao động.

Sau khi Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị được triển khai trên thực tế được gần 4 năm, ngày 02 tháng 6 năm 2005 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 49-NQ/TW về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020. Nghị

quyết đã đưa ra 4 phương hướng chính trong chiến lược cải cách tư pháp. Nghị quyết nhấn mạnh đến phương hướng: "tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp lý, khoa học, hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc; trong đó xác định Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm; xã hội hoá mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ Tư pháp"³. Với phương hướng này, Nghị quyết 08 đã khẳng định các nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách tư pháp cần phải được triển khai trong thực tế. Trong đó nhiệm vụ hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp; xác định rõ chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp. Trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện tổ chức Tòa án nhân dân - hai nhiệm vụ quan trọng được Đảng xác định trong Nghị quyết 49-NQ/TW.

Nghị quyết 49-NQ/TW xác định: "Tổ chức hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, gồm: Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; Tòa án phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm". Tuy nhiên, Nghị quyết cũng nhấn mạnh: "Việc thành lập Tòa án chuyên trách phải căn cứ vào thực tế xét xử của từng cấp Tòa án, từng khu vực. Đổi mới tổ chức Tòa án nhân dân tối cao theo hướng tinh gọn với đội ngũ thẩm phán là những chuyên gia đầu ngành về pháp luật, có kinh nghiệm trong ngành". Đối với Tòa án quân sự, Nghị quyết 49-NQ/TW chỉ đạo "cần nghiên cứu, xác định hợp lý phạm vi thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự theo hướng chủ yếu xét xử những vụ án về các tội

³ Ban chấp hành Trung ương, Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020

xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, những vụ án liên quan đến bí mật quân sự...". Đối với việc tổ chức phiên tòa xét xử, cần "xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp".

Như vậy, có thể thấy, những quan điểm và phương hướng trên đây về cải cách tổ chức và hoạt động của Tòa án có ý nghĩa vô cùng quan trọng, quyết định hiệu quả của hoạt động cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta hiện nay.

2. Sự thể hiện quan điểm của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân trong hoạt động lập pháp trong thời gian qua

Nhằm quán triệt quan điểm của Đảng cộng sản về đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Nhà nước ta đã tiến hành sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều văn bản pháp luật trên cơ sở thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng. Đặc biệt, sự ra đời của Hiến pháp 1992 đã đánh một mốc son quan trọng trong lịch sử lập hiến Việt Nam - Hiến pháp của thời kỳ đổi mới. Cụ thể hoá hiến pháp 1992, Quốc hội đã ban hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1992 (được sửa đổi năm 1993) và Pháp lệnh về thẩm phán và Hội thẩm toà án nhân dân, Pháp lệnh Tổ chức Tòa án quân sự năm 1993. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng đánh dấu một bước tiến trong công cuộc cải cách tư pháp mà điển hình là Tòa án. Theo quy định tại Điều 127 Hiến pháp năm 1992, Tòa án nhân dân được xác định là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hệ thống toà án theo quy định của pháp luật hiện hành bao gồm Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự và các Tòa án khác do luật định. Như vậy, so với bản Hiến pháp trước có thể thấy rằng hệ thống cơ quan Tòa án vẫn được giữ nguyên như cũ. Điểm khác biệt cơ bản ở chỗ, Hiến pháp năm 1992

quy định khả năng thành lập thêm các Tòa án mới. Điều này đảm bảo khả năng thành lập các Tòa án trong những trường hợp cần thiết để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển xã hội. Trong thực tế quy định này đã được vận dụng bằng việc thành lập thêm Tòa kinh tế, Tòa hành chính và Tòa lao động trong cơ cấu của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao.

Theo Hiến pháp 1992 và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, chế độ bầu thẩm phán trước đây đã được thay bằng chế độ bổ nhiệm; trong hệ thống Tòa án nhân dân các cấp đã thành lập thêm một số Tòa chuyên trách để kịp thời giải quyết các loại tranh chấp mới phát sinh; đã bỏ thẩm quyền xét xử sơ thẩm, đồng thời chung thẩm; chú ý đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở pháp luật thực định nêu trên, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án đã thực sự chuyển mình trong tiến trình cải cách Tư pháp do Đảng khởi xướng và trực tiếp lãnh đạo thực hiện. Trên thực tế, việc ban hành Hiến pháp 1992 và gắn đây là Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 năm 2001, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 đã có sự đổi mới về cơ cấu tổ chức và thẩm quyền như: trong cơ cấu của Tòa án nhân dân tối cao không có Ủy ban thẩm phán, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có sự thay đổi về thành phần với tổng số không quá 17 người, bỏ thẩm quyền xét xử sơ thẩm đồng thời là chung thẩm của Tòa án nhân dân tối cao, bỏ quy định về sự tham gia của Hội thẩm nhân dân trong xét xử ở Tòa án nhân dân tối cao. Hiện nay, để cụ thể hoá quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam được ghi nhận tại Nghị quyết trung ương 8 khoá VII⁴, thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện ngày càng được mở rộng hơn, đảm bảo thực

⁴ Nghị quyết Trung ương 8 khoá VII chỉ rõ: Nghiên cứu tăng thẩm quyền xét xử cho Tòa án nhân dân cấp quận, huyện theo hướng xét xử sơ thẩm thực hiện chủ yếu ở Tòa án cấp này. Tòa án cấp tỉnh chủ yếu xét xử phúc thẩm. Tòa án nhân dân tối cao chủ yếu xét xử giám đốc thẩm, tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn các toà án địa phương thực hiện xét xử thống nhất theo pháp luật. Hạn chế việc xét xử đồng thời sơ thẩm và chung thẩm.

hiện hai cấp xét xử, theo đó Tòa án nhân dân cấp huyện xét xử sơ thẩm, còn việc xét xử phúc thẩm được giao cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Tòa án nhân dân tối cao chỉ làm nhiệm vụ xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm, phúc thẩm, tổng kết kinh nghiệm xét xử, chuẩn bị các dự án luật, hướng dẫn các Tòa án địa phương thực hiện xét xử thống nhất theo pháp luật. Tòa án nhân dân tối cao trực tiếp quản lý Tòa án địa phương và tòa án quân sự về mọi mặt: nghiệp vụ, chuyên môn và tổ chức cán bộ. Những đổi mới về tổ chức và nhiệm vụ nêu trên của Tòa án đã thể hiện sự quán triệt và vận dụng có hiệu quả đường lối lãnh đạo của Đảng về tổ chức Tòa án nhân dân, đảm bảo cho Tòa án nhân dân phát huy vị trí pháp lý và vai trò của cơ quan xét xử trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Thực trạng pháp luật về tổ chức Tòa án nhân dân xét từ góc độ đáp ứng đòi hỏi của chiến lược cải cách tư pháp

Thứ nhất, theo pháp luật hiện hành Tòa án của nước ta được tổ chức theo đơn vị hành chính: Tòa án tối cao, Tòa án cấp tỉnh và Tòa án cấp huyện. Cách tổ chức Tòa án theo đơn vị hành chính hiện nay giải quyết được vấn đề giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp, vấn đề bổ nhiệm Chánh án, Phó chánh án, Thẩm phán tòa án, về chế độ bầu Hội thẩm nhân dân. Tuy nhiên, với quy định về tổ chức Tòa án thành ba cấp và trải đều trên tất cả các tỉnh của đất nước thì vô hình chung tạo ra một thực trạng có nơi Tòa án quá tải về các vụ việc phải giải quyết, có nơi Tòa án lại có rất ít vụ việc. Bên cạnh đó, hiệu quả hoạt động của Tòa án còn chịu sự chi phối của cấp chính quyền tương đương, của cấp uỷ Đảng. Những yếu tố này chi phối hoạt động của Tòa án, làm cho nguyên tắc đề cao và tuân thủ triệt để tính độc lập của thẩm phán trong hoạt động xét xử chưa được đảm bảo.

Như vậy, để vận dụng quan điểm Tòa án được bố trí theo khu vực mà Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đề ra thì thực tiễn tổ chức lại Tòa án phải giải quyết được vấn đề xác định "Tòa án cấp sơ thẩm có thể bao gồm nhiều huyện, vậy chế độ báo cáo và chịu sự giám sát trước

Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào"⁵. Tương tự như vậy, nếu thành lập Tòa thượng thẩm thì vị trí pháp lý và mối quan hệ của Tòa thượng thẩm sẽ được giải quyết như thế nào với cơ quan trung ương nhà nước khác ở Trung ương và địa phương. Đây là vấn đề đặt ra đòi hỏi phải có sự bổ sung về những quy định pháp luật để xác định trách nhiệm báo cáo và chịu trách nhiệm của Chánh án Tòa cấp sơ thẩm (khi tổ chức thành tòa khu vực) và Chánh án Tòa thượng thẩm. Đồng thời phải giải quyết những vấn đề về thực hiện chế độ bổ nhiệm thẩm phán, chánh án, phó chánh án và chế độ bầu Hội thẩm nhân dân đối với những Tòa sơ thẩm khu vực được thành lập không cùng đơn vị hành chính cấp tỉnh. Bên cạnh đó, nếu tổ chức Tòa thượng thẩm trong hệ thống Tòa án để xét xử phúc thẩm những vụ án mà bản án và quyết định của Tòa án cấp tỉnh có kháng cáo, kháng nghị thì cũng cần phải tính tới cơ chế tuyển chọn thẩm phán Tòa thượng thẩm.

Thứ hai, trong quá trình cải cách tư pháp việc đảm bảo nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân chỉ tuân theo pháp luật là một vấn đề cần được đặt ra. Bởi lẽ, thực tế cho thấy, nhiều thẩm phán khi xét xử vẫn chưa hoàn toàn độc lập, việc báo cáo án và nhận sự định hướng đường lối xét xử từ lãnh đạo của thẩm phán chỉ giải quyết được mối quan hệ hành chính giữa cấp trên và cấp dưới mà không đảm bảo được nguyên tắc độc lập xét xử của thẩm phán. Bên cạnh đó, tình trạng hiệp thương án để trách nhiệm không thuộc về cơ quan nào trong các cơ quan tiến hành tố tụng⁶ cũng đang là vấn đề cần được thực tiễn cải cách tư pháp giải quyết.

Thứ ba, theo quy định của pháp luật về Tòa án hiện nay, vấn đề chức năng, nhiệm vụ của Tòa án đang có bất cập dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa cao. Có thể nói đến chức năng giải thích pháp luật, hiện nay, Tòa án tối cao có nhiều hướng dẫn không chính thức dưới

⁵ Phạm Quý Ty, Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 7 (55), tháng 7 năm 2005, trang 23.

⁶ Nguyễn Như Phát, Một số ý kiến về cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 3 năm 2004, trang 32.

dạng văn bản về nội dung một số điều luật. Đây thực chất là một trong những hiện tượng giải thích pháp luật, mà thẩm quyền này thuộc về Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Song trên thực tế, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ít khi thực hiện quyền này. Việc Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn các Tòa án cấp dưới xét xử xuất phát từ thực tiễn hoạt động của ngành, được nhiều Tòa án áp dụng nhưng do không có chức năng đó nên "sự hướng dẫn này không phải là căn cứ pháp lý công khai của việc tuyên án"⁷.

Thứ tư, trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị của đội ngũ thẩm phán của các Tòa án chưa thật sự phù hợp với yêu cầu đặt ra của chiến lược cải cách tư pháp do Đảng khởi xướng.

4. Một số vấn đề cần nghiên cứu nhằm tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân

Một là, nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Tòa án nhân dân

Xuất phát từ yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền và khắc phục những bất cập trong tổ chức, hoạt động của Tòa án nhân dân, cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi luật theo hướng bảo đảm nguyên tắc độc lập trong xét xử của Tòa án, tăng thẩm quyền xét xử cho Tòa án địa phương, tiến tới thực hiện tổ chức Tòa án theo hai cấp xét xử, nghiên cứu thành lập Tòa án khu vực, áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử. Theo hướng nêu trên cần tiếp tục nghiên cứu tổ chức hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính. Mô hình tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân sẽ bao gồm Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện (tuỳ thuộc vào yêu cầu xét xử ở từng đơn vị); Tòa án phúc thẩm tổ chức theo đơn vị hành chính cấp tỉnh có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm và sơ thẩm một số vụ án có tính chất nghiêm trọng; Tòa án thượng thẩm tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; Tòa án

nhân dân tối cao có chức năng tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật và xét xử tái thẩm, giám đốc thẩm. Đối với các Tòa án chuyên trách như Tòa Hành chính, Tòa Lao động, Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Vạ thành niên.... phải căn cứ vào thực tế xét xử của từng khu vực, từng cấp Tòa án.

Hai là, nghiên cứu việc trao chính thức cho Tòa án quyền giải thích pháp luật, phán xét tính hợp pháp, hợp hiến của các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước ban hành. Chức năng này hiện nay được giao cho các cơ quan như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Chính phủ và các cơ quan khác, tuy nhiên trong thực tế hoạt động giám sát tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện không có hiệu quả, mà biểu hiện là tình trạng các quy định của văn bản dưới luật mâu thuẫn với quy định của văn bản luật diễn ra phổ biến trong thực tế. Kinh nghiệm của các nước trong việc giải quyết vấn đề này là chuyển việc giám sát và tuyên bố tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản quy phạm pháp luật cho Tòa án. Trên thực tế cách thức này đã thực hiện có hiệu quả ở rất nhiều nước. Chính vì vậy, đây có thể được coi là kinh nghiệm tốt có thể áp dụng.

Ba là, nghiên cứu xây dựng chương trình quốc gia về nâng cao trình độ cán bộ ngành Tòa án, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật tốt hơn nữa cho Tòa án nhân dân cấp huyện để đảm bảo cho việc tăng thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp huyện có tính khả thi trên thực tế.

Bốn là, nghiên cứu việc đổi mới tổ chức phiên tòa xét xử theo hướng xác định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm pháp lý của cả những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng; bảo đảm nguyên tắc tranh tụng công khai, dân chủ và nghiêm minh trong xét xử.

Năm là, tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động tư pháp, theo đó cần xây dựng mới và sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Tòa án nhân dân về cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ nhằm đảm bảo cải cách Tòa án phục vụ cho cải cách tư pháp.

⁷ Nguyễn Như Phát, Một số ý kiến về cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 3 năm 2004, trang 28.